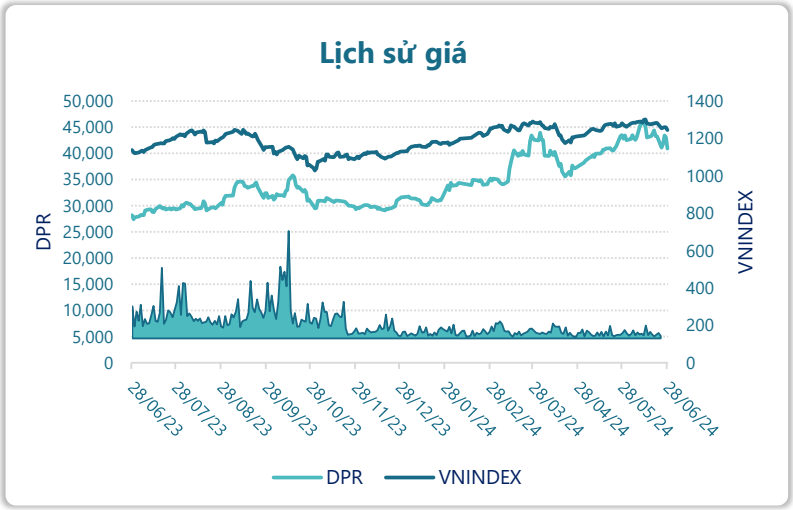
FireAnt

CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**40,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,410
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	799,445
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,554
P/E	14.4
EPS	2,848

DT thuần

Q2/24

233

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.0| 24.5%

YoY: ▲ 87.0| 59.5%

LN sau thuế

Q2/24

79.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.5| 28.1%

YoY: ▲ 43.5| 120%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

39.4%

+/- YoY: ▲ 8.5%

DT thuần

6T 2024

419

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 93.0| 28.8%

LN sau thuế

6T 2024

142

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.0| 44.8%

ROE

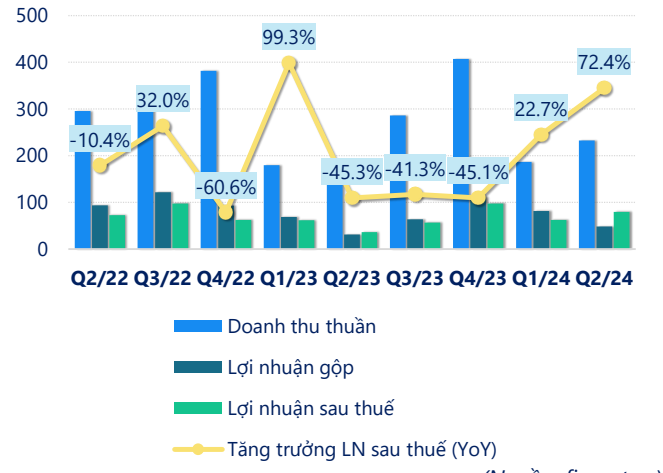
Q2/24

8.1%

+/- YoY: ▲ 0.5%

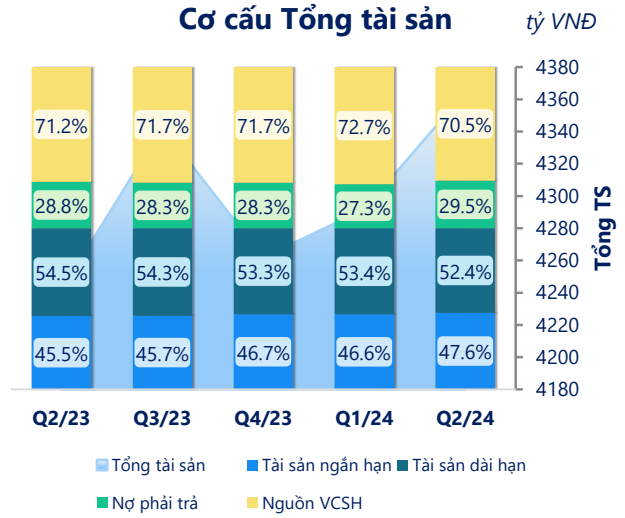
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



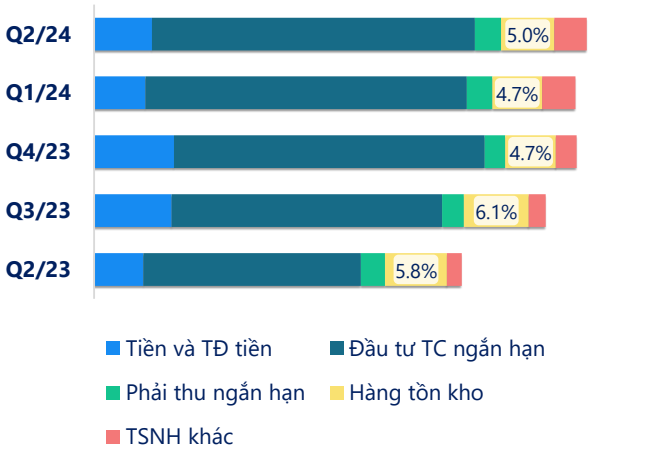
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



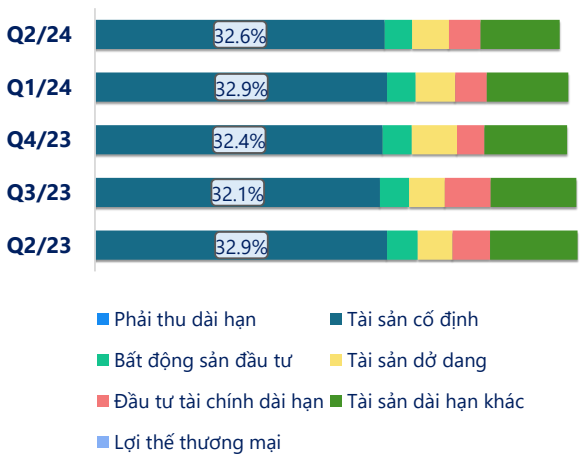
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



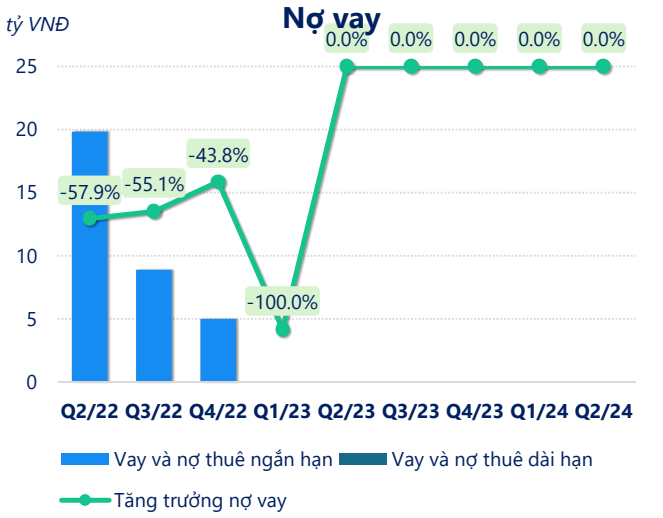
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



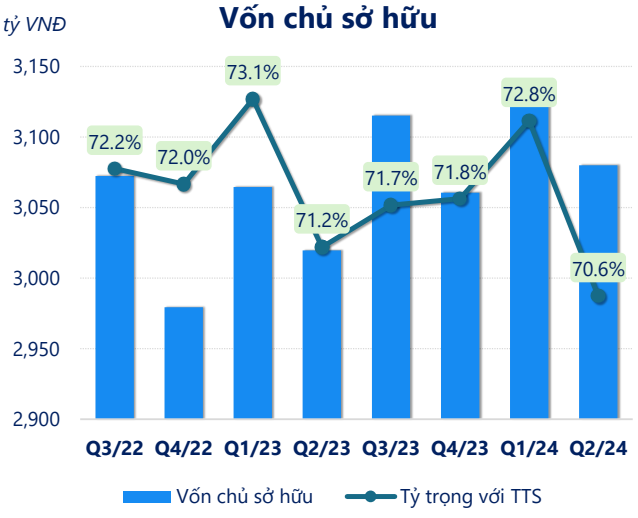
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



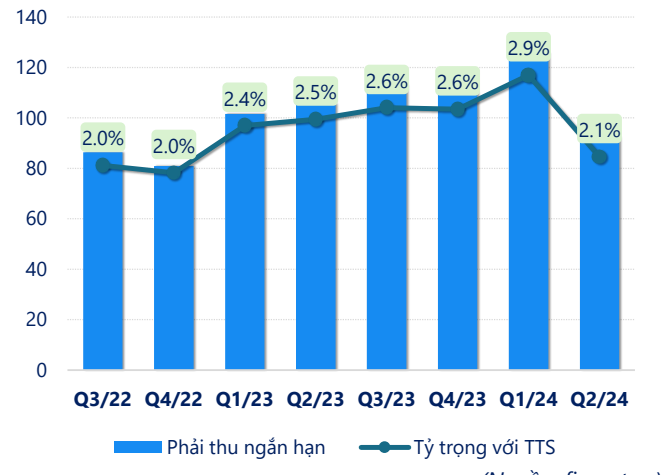
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



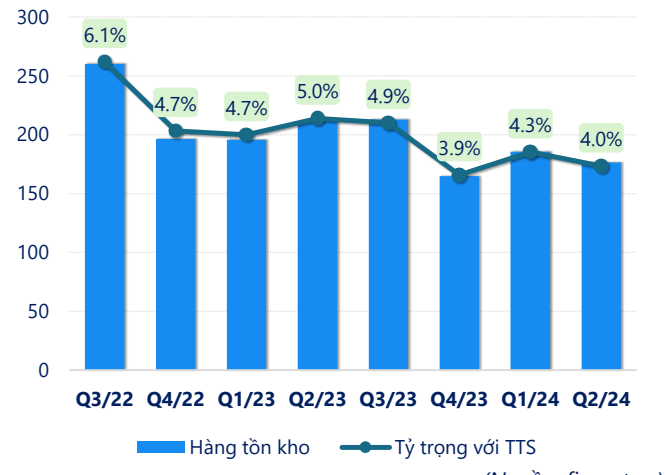
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



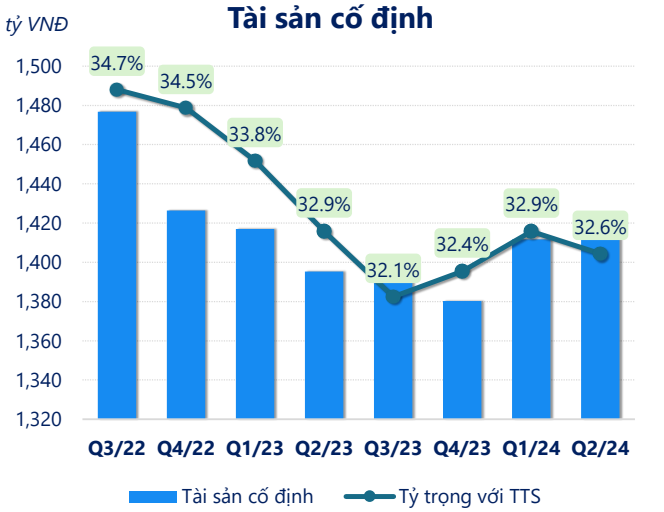
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



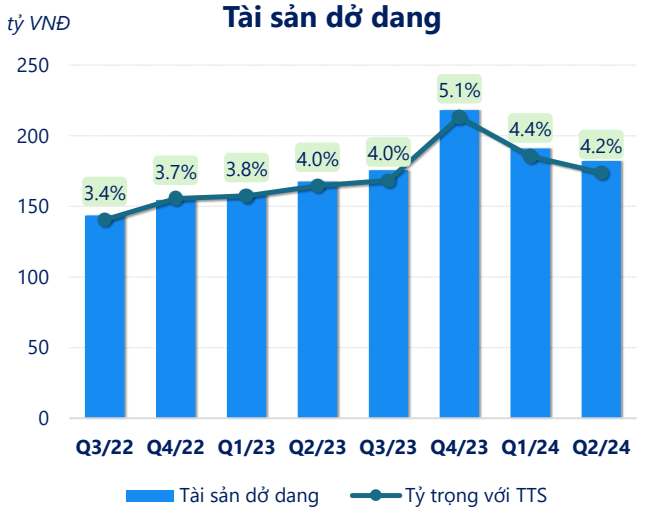
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



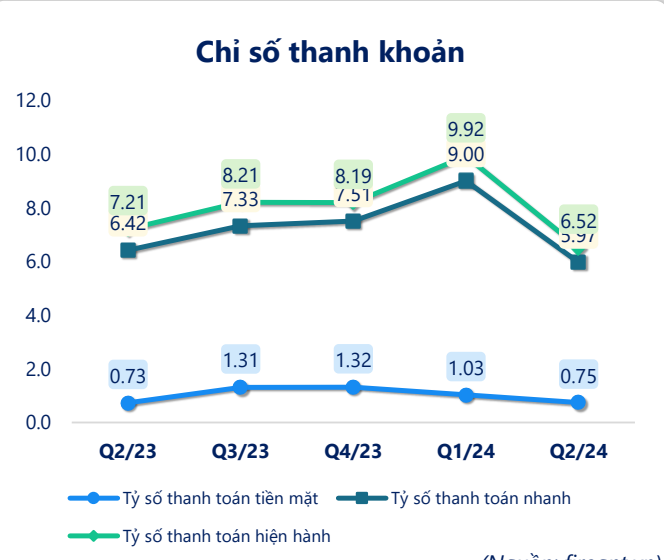
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



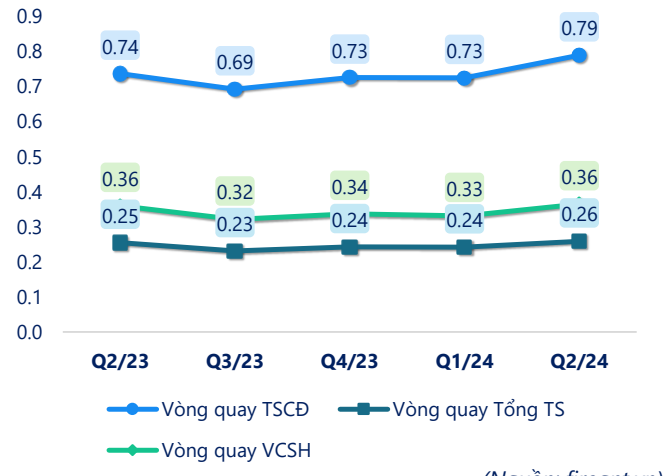
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**4,242**	**4,343**	**4,262**	**4,292**	**4,364**
Tài sản ngắn hạn	**1,931**	**1,984**	**1,991**	**2,000**	**2,076**
Tiền và tương đương tiền	197	316	320	207	237
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,288	1,205	1,292	1,366	1,458
Phải thu ngắn hạn	105	113	110	125	92.3
Hàng tồn kho	212	213	165	186	176
Tài sản ngắn hạn khác	130	136	104	115	111
Tài sản dài hạn	**2,310**	**2,359**	**2,271**	**2,292**	**2,289**
Phải thu dài hạn	3.50	3.55	3.53	3.56	3.61
Tài sản cố định	1,395	1,392	1,380	1,412	1,423
Bất động sản đầu tư	145	143	140	138	135
Tài sản dở dang	168	176	218	191	182
Đầu tư tài chính dài hạn	179	225	131	154	156
Tài sản dài hạn khác	419	419	399	394	389
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,222**	**1,228**	**1,206**	**1,172**	**1,289**
Nợ ngắn hạn	**268**	**242**	**243**	**202**	**318**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	13.6	9.26	5.34	15.4	9.06
Nợ dài hạn	954	986	963	970	971
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,019**	**3,115**	**3,056**	**3,120**	**3,075**
Vốn chủ sở hữu	**3,020**	**3,115**	**3,061**	**3,125**	**3,080**
Vốn điều lệ	434	434	869	869	869
Kinh phí và quỹ khác	-0.29	-0.29	-4.88	-4.88	-4.87

(Nguồn: fireant.vn)